

Bản án số: 38/2023/HC-PT
Ngày: 08-02-2023
V/v khiếu kiện hành vi hành
chính về giải quyết khiếu nại
trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Đỗ Phước Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 599/2022/TLHC-PT ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “khiếu kiện hành vi hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 27 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1941; Cư trú tại: Số 658/11B, đường A, Phường E, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Bửu Thịnh Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 57 C, Phường 3, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 18/11/2021 – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Địa chỉ: Số 93, đường D, Phường 2, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Nguyễn Văn Q – Chức vụ: Chủ tịch (đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đỗ Xuân N – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (vắng mặt).

- Người kháng cáo: người khởi kiện Bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1991, hộ gia đình Bà Trần Thị T (gồm 07 nhân khẩu) do Bà Trần Thị T đứng tên chủ hộ được nhà nước cấp diện tích đất nông nghiệp 5.673,9 m² theo biên bản giao đất lập ngày 18/4/1991. Đến năm 1994, Bà T chuyển đi sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, do sống xa quê nên Bà T tạm thời ủy quyền lại cho người anh tên là Trần X quản lý, sử dụng diện tích đất này; khi ủy quyền thì Bà T không cho 05 người con hay biết việc ủy quyền (các con gồm Trần Bửu Chánh Đ1, Trần Bửu Thịnh Đ, Trần Bửu Bội L, Trần Bửu Lập Đ2, Trần Ngọc Ái L1). Năm 2007, Bà T cùng các con trở về Sóc Trăng sinh sống và có đề nghị ông X trả lại phần đất cho mượn để các con Bà canh tác nhưng ông X không trả. Ngày 27/9/2014 thì ông X chết, Bà T tiếp tục đi đòi lại diện tích đất cho mượn nhưng những người thừa kế hàng thứ nhất của ông X không đồng ý.

Ngày 13/4/2020, Bà T có đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố B cung cấp thông tin về thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.673,9 m², loại đất 2L, tọa lạc tại khóm 3, Phường E, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 16/4/2020, Ủy ban nhân dân Phường E ban hành văn bản số 23/UBND trả lời có nội dung: *“Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích là 5.632,2 m², loại đất 2L tọa lạc tại khóm 3, Phường E, thành phố B được nhà nước cấp cho Bà Trần Thị T hiện nay ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 quản lý sử dụng. Căn cứ phát sinh quyền quản lý sử dụng đất giữa Bà Trần Thị T và Ông Trần X có thỏa thuận như thế nào địa phương không rõ. Thời điểm ông Trần X chuyển quyền quản lý sử dụng với ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 là do hai bên có thỏa thuận khi nào địa phương không nắm rõ, hiện nay dữ liệu cấp giấy quản lý tại phường hiện nay là ông Trần Minh T1 và Lý Thị L2 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.632,2 m² loại đất 2L số Giấy CN BQ 739421, số quản lý 4270, Ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 kê khai về nguồn gốc đất là ông sử dụng từ năm 1996 đến ngày 21/01/2014 đăng ký hợp thức hóa quyền sử dụng đất”.*

Ngày 23/8/2021, Bà Trần Thị T có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố B vì cho rằng Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thửa 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.632,2m² loại đất 2L, địa chỉ tại Khóm 3, Phường E, thành phố B cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 là trái pháp luật. Vì có vi phạm quy trình nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ và hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận không có các loại giấy theo khoản 1 Điều 14 Nghị định này (tức các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003).

Theo nội dung đơn khiếu nại, Bà T yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B giải quyết: “Thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 739421 thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.632,2 m², loại đất 2L, địa chỉ tại khóm 3, Phường E, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền buộc ông T1, bà L2 trả lại đất theo thông tin trên cho hộ gia đình Bà T; Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước đối với số tiền ông T1 đã vay tại ngân hàng ACB (trong trường hợp ông T1 không trả nợ ngân hàng); Ủy ban nhân dân thành phố B và Thanh tra thành phố B thông báo thụ lý đơn và giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Nhưng từ khi khiếu nại cho đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B chưa thụ lý, giải quyết yêu cầu khiếu nại của Bà T và cũng chưa nhận được bất cứ thông tin nào từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

Nay Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại ghi ngày 23/8/2021 là trái pháp luật;
- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B thực hiện việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại ghi ngày 23/8/2021 theo quy định của pháp luật.

2. Tại Văn bản số 167/UBND-HC ngày 14/02/2021 và số 999/UBND-HC ngày 17/06/2022 (BL 59,71), người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố B có ý kiến như sau:

Ngày 23/8/2021, Bà Trần Thị T có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Thanh tra thành phố B yêu cầu xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 739421, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5632,2m, đất tọa lạc tại khóm 3, Phường E, thành phố B cấp cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 do đất đang tranh chấp.

Liên quan đến việc tranh chấp tài sản nêu trên, được biết Bà Trần Thị T đã có đơn khởi kiện đòi lại đất và ngày 20/5/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 42/2020/TLST-DS về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”; ngày 05/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 82/2021/QĐ-XXTĐTC về việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản đang tranh chấp thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5632,2m, loại đất 2L, tọa lạc tại khóm 3, Phường E, thành phố B và các tài sản gắn liền với đất.

Thời gian này, Bà Trần Thị T có đơn (đề ngày 06/6/2021) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố B tố cáo cán bộ địa chính Phường E, thành phố B (Ủy ban nhân dân Phường E có trao đổi nghiệp vụ với Thanh tra thành phố B) và Bà T tiếp tục có đơn (đề ngày 23/8/2021) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và Thanh tra thành phố B khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2.

Do trong cùng một vụ việc liên quan đến việc tranh chấp đòi lại đất mà Bà Trần Thị T có nhiều đơn (vừa tố cáo, vừa khiếu nại) gửi nhiều cơ quan mà vụ việc đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm

số 42/2020/TLST-DS ngày 20/5/2020 về việc “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do đó, đơn khiếu nại (đề ngày 23/8/2021) của Bà Trần Thị T được Ban Tiếp công dân thành phố (Công văn số 64/PC-TD ngày 01/9/2021) và Thanh tra thành phố (Công văn số 26/CV-TTr ngày 06/9/2021) chuyển Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố B biết để trả lời đương sự.

Đến ngày 21/12/2021, Ủy ban nhân dân Phường E, thành phố B có Công văn số 857/UBND về việc trả lời đơn kiến nghị, phản ánh và đơn tố cáo của Bà Trần Thị T.

Từ diễn biến nêu trên, Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại ghi ngày 23/8/2021 là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết đơn khiếu nại (đề ngày 23/8/2021) là không có cơ sở.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Trần Thị Bà T về việc yêu cầu: Tuyên bố hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND thành phố B thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại (đề ngày 23/8/2021) của Bà Trần Thị T theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/8/2022, người khởi kiện Bà Trần Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện Bà Trần Thị T vắng mặt có văn bản trình bày nội dung giữ nguyên quan điểm của mình như ở cấp sơ thẩm, khiếu nại quy trình giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đơn kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị T trong cùng một nội dung vụ việc mà vừa có đơn tố cáo, vừa có đơn khiếu nại và đơn khởi kiện; việc khởi kiện cũng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý nên Chủ tịch UBND thành phố B không thụ lý, giải quyết “Đơn khiếu nại đề ngày 23/08/2021” của Bà Trần Thị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện Bà Trần Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện Bà Trần Thị T trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Ông Trần Bửu Thịnh Đ và đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 23/08/2021, Bà Trần Thị T có đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B nhưng Chủ tịch UBND thành phố B không thụ lý, giải quyết khiếu nại trong thời hạn luật định. Nên ngày 25/10/2021 Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án “*Tuyên bố hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND thành phố B thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại (đề ngày 23/8/2021) của Bà Trần Thị T theo quy định của pháp luật*”. Xét thấy, hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B là đối tượng khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Bà Trần Thị T khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Trần Thị Bà T là đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[2.2] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên vào năm 1991 hộ gia đình Bà Trần Thị T (gồm 07 nhân khẩu - do Bà Trần Thị T đứng tên chủ hộ) được Nhà nước cấp diện tích đất nông nghiệp 5.673,9 m², thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm 3, Phường E, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng, theo Biên bản giao đất ngày 18/4/1991 (BL 21). Đến năm 1994, Bà T chuyển đi sinh sống tại Tỉnh Sóc Trăng nên Bà T tạm thời uỷ quyền lại cho ông Trần X (anh Bà T) quản lý, sử dụng. Năm 2007, Bà T cùng các con trở về Sóc Trăng sinh sống và có đề nghị ông X trả lại phần đất nhưng ông X không trả. Đến ngày 27/9/2014 ông X chết, Bà T tiếp tục đi đòi lại diện tích đất nhưng những người thừa kế hàng thứ nhất của ông X không đồng ý.

[2.3] Ngày 13/4/2020, Bà T có đơn yêu cầu UBND Phường E, thành phố B cung cấp thông tin về thửa đất. Tại văn bản số 23/UBND ngày 16/4/2020, Ủy ban nhân dân Phường E cho biết: “*Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích là 5.632,2 m², loại đất 2L tọa lạc tại K 3, P 5, Tp Sóc Trăng được nhà nước cấp cho Bà Trần Thị T hiện nay ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 quản lý sử dụng..., hiện nay dữ liệu cấp giấy quản lý tại*

phường hiện nay là ông Trần Minh T1 và Lý Thị L2 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.632,2 m² loại đất 2L số Giấy CN BQ 739421, số quản lý 4270, Ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 kê khai về nguồn gốc đất là ông sử dụng từ năm 1996 đến ngày 21/01/2014 đăng ký hợp thức hóa quyền sử dụng đất’.

[2.4] Ngày 23/8/2021, Bà Trần Thị T có “Đơn khiếu nại” đề ngày 23/08/2021 gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố B (BL 04), với nội dung yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố B giải quyết: “Thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 739421 ngày 12/12/2014 cấp cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2; buộc ông T1, bà L2 trả lại đất cho hộ gia đình Bà T; bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước đối với số tiền ông T1 đã vay tại ngân hàng ACB; thông báo thụ lý đơn và giải quyết theo quy định của pháp luật”, cùng ngày Chủ tịch UBND thành phố B nhận được đơn khiếu nại.

[2.5] Người bị kiện thừa nhận, ngày 23/8/2021 Bà Trần Thị T có “Đơn khiếu nại đề ngày 23/08/2021” gửi đến Chủ tịch UBND và Thanh tra thành phố B, với nội dung yêu cầu khiếu nại như trên. Nhưng trước đó, ngày 07/05/2020 Bà T có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Trần X trả lại cho Bà Trần Thị T giá trị quyền sử dụng đất (thửa số 76, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.632,2m²) là 500.000.000 đồng và hoa lợi tính từ năm 2007 đến nay là 70.000.000 đồng (5.000.000 đồng/năm x 14 năm); vụ việc được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án số 42/2020/TLST-DS ngày 20/5/2020, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Đồng thời, ngày 06/6/2021 Bà Trần Thị T có đơn gửi Chủ tịch UBND Phường E, thành phố B tố cáo cán bộ địa chính. Trong cùng một vụ việc liên quan đến việc tranh chấp đòi lại đất mà Bà Trần Thị T có nhiều đơn vừa tố cáo, vừa khiếu nại, vừa khởi kiện và vụ việc đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý. Do đó, “Đơn khiếu nại đề ngày 23/08/2021” của Bà Trần Thị T được chuyển đến Chủ tịch UBND Phường E, thành phố B biết để trả lời đương sự. Tại Công văn số 857/UBND ngày 21/12/2021 của UBND Phường E đã trả lời đơn kiến nghị, phản ánh và đơn tố cáo của Bà Trần Thị T.

[2.6] Xét thấy, tại thời điểm Bà T khiếu nại theo “Đơn khiếu nại đề ngày 23/08/2021” đối với diện tích đất 5.673,9 m², thửa đất số 76, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khóm 3, Phường E, thành phố B, tỉnh Sóc Trăng mà Bà T đòi lại, đã được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 739421 (số vào sổ CH01410) ngày 12/12/2014 cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2. Nếu phát sinh tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất thì thẩm quyền giải quyết là của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, Bà T cũng đã khởi kiện tại Tòa án đòi lại quyền sử dụng đất nêu trên và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý theo thông báo thụ lý số 42/2022/TLST-DS ngày 20/5/2020 và hiện đang trong quá trình giải quyết. Cùng với việc khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất thì Bà T cũng có thể yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 739421 (số vào sổ CH01410) ngày 12/12/2014 cấp cho ông Trần Minh T1 và Bà Lý Thị L2 theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 15 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì vụ

án mới được giải quyết một cách triệt để, tránh gây lãng phí thời gian và công sức cho chính Bà T.

[2.7] Như vậy, trong cùng một nội dung vụ việc mà Bà Trần Thị T có đơn tố cáo, đơn khiếu nại và đơn khởi kiện; việc khởi kiện cũng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vào ngày 20/5/2020, nên Chủ tịch UBND thành phố B không thụ lý, giải quyết “Đơn khiếu nại đề ngày 23/08/2021” của Bà Trần Thị T là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 11 Luật khiếu nại 2011. Do vậy, Bà Trần Thị T khởi kiện là không có cơ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

Từ những nhận định trên xét thấy kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện Bà Trần Thị T phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Bà Trần Thị T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng: khoản 9 Điều 11 Luật khiếu nại 2011; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Bà Trần Thị T về việc yêu cầu: Tuyên bố hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B là trái pháp luật và buộc Chủ tịch UBND thành phố B thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại (đề ngày 23/8/2021) của Bà Trần Thị T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị T được miễn án phí.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Tỉnh Sóc Trăng (2);
- VKSND Tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS Tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự (2);
- Lưu: HSVA (2), VP (5), 15b (NVC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An